

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 5 - 2025
V/v: “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Mạnh và ông Nguyễn Văn Khoát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chính - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2025/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, về việc “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Phương T, sinh năm 1993.

Nơi ĐKNKTT: Tập thể xí nghiệp vận tải hàng hóa quá cảnh, tổ dân phố S, phường Đức T, quận Bắc T, thành phố H; chỗ ở: Thôn , xã Phù V, thành phố P, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1993.

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố T, phường Đ, quận Nam T, thành phố H; chỗ ở: Thôn 4, xã P, thành phố P, tỉnh H.

(Phiên tòa có mặt chị Th và anh Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Phương Thảo trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thành Đ kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi. Đăng ký kết hôn ngày 10/5/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Bắc T, thành phố H. Sau kết hôn anh, chị sinh sống ở nhà để chị T tại phường Đ, quận Bắc T, thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên chơi game đến đêm khuya, không quan tâm, chăm lo cho gia đình; từ đó vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm sống, không

tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 10/2023 vợ chồng cùng các con chuyển về Thôn 4, xã P, thành phố P, tỉnh H sinh sống cùng bố mẹ chồng, anh Đ vẫn ham chơi game không quan tâm gia đình vợ con. Bố mẹ anh Đ thì can thiệp quá sâu vào cuộc sống của vợ chồng, chị có chia sẻ với anh Đ về những vướng mắc trong cuộc sống giữa chị với bố mẹ chồng và mong anh Đ sống có trách nhiệm hơn với vợ, con nhưng anh Đ luôn thờ ơ và bắt chị phải làm theo quyết định của bố mẹ. Từ đó vợ chồng ít trò chuyện và chia sẻ với nhau, về kinh tế thì của ai người đó chi tiêu. Nay chị xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị với anh Đ không đem lại hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thành Đ trình bày: Điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng sinh sống tại gia đình chị T, thời điểm anh chị về Thôn 4, xã P, thành phố P, tỉnh H sinh sống như chị T trình bày là đúng. Anh xác định cuộc sống vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, anh khẳng định bản thân chưa bao giờ có hành vi vũ phu hay mắng chửi vợ, con. Tuy nhiên giữa chị T và mẹ anh có mâu thuẫn nhỏ, bản thân vài năm trước có mãi chơi game thiếu quan tâm gia đình, hiện kinh tế của ai người đó chi tiêu. Nay chị T xin ly hôn, anh xin đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

- Về con chung: Chị Trần Phương T và anh Nguyễn Thành Đ xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Trần Linh Đ (con gái), sinh ngày 13/01/2020 và Nguyễn Phúc M (con trai), sinh ngày 11/10/2023. Khi ly hôn chị xin được nuôi một con chung là Nguyễn Trần Linh Đ. Anh Nguyễn Thành Đ, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh xin được nuôi cả hai con chung. Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị T và anh Đ đang làm công nhân tại khu công nghiệp K, thành phố P, tỉnh H, thu nhập 10.000.000đ đến 13.000.000đ/tháng. Chị T, anh Đ thống nhất xác nhận vợ chồng không có con nuôi; chị T xác nhận chị không có con riêng; anh Đ xác nhận anh có một con riêng là Nguyễn Thành Tr, sinh ngày 15/10/2014, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh và chị T, anh không yêu cầu giải quyết về con riêng.

- Về tài sản chung, riêng và công nợ chung: Chị Trần Phương T và anh Nguyễn Thành Đ xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, gia đình nơi anh Đức, chị T sinh sống: Ông C, bà H là bố mẹ đẻ anh Đ cung cấp như. Năm 2019 gia đình tổ chức cưới hỏi cho anh Đ và chị T, sau đó anh chị sinh sống cùng gia đình nhà chị T. Đến tháng 10/2023 đến nay anh Đ, chị T và các con sinh sống cùng ông bà tại Thôn 4, xã P, Phủ Lý, tỉnh H, thời gian sống cùng, ông bà không thấy anh chị xảy ra mâu thuẫn gì, gia đình rất thương và bảo ban chị T; tuy nhiên trong cuộc sống không thể tránh khỏi xích mích mẹ chồng nàng dâu. Nay chị Thảo xin ly hôn anh Đ ông, ông, bà mong muốn chị T rút đơn để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con. Trường hợp chị T quyết tâm ly hôn anh Đ, ông, bà mong muốn Tòa án giao cả hai con chung cho anh Đ nuôi dưỡng.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Trần Phương T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, nuôi con chung.

- Bị đơn Nguyễn Thành Đ giữ nguyên quan điểm xin đoàn tụ; thay đổi nuôi con theo văn bản thoả thuận về việc nuôi con khi ly hôn đề ngày 24/4/2025 cụ thể anh xin nuôi con chung là Nguyễn Phúc M.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; đối với người tham gia tố tụng chị Trần Phương T và anh Nguyễn Thành Đ đã chấp hành và thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Phương T: Xử lý hôn giữa chị Trần Phương T với anh Nguyễn Thành Đ.

2. Về con chung: Xét việc thoả thuận mỗi người nuôi một con chung của chị T và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện nên giao cháu Nguyễn Trần Linh Đ, sinh ngày 13/01/2020 cho chị Thảo chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Phúc M, sinh ngày 11/10/2023 cho anh Nguyễn Thành Đ chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Chị T, anh Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Thành Đ có địa chỉ và sinh sống tại Thôn 4, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Phương T và anh Nguyễn Thành Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/5/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Bắc T, thành phố H nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Phương T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau kết hôn anh chị có thời gian khoảng một năm chung sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ ham chơi game không tu chí làm ăn, chăm lo cho gia đình, vợ con; không cân bằng cuộc sống vợ chồng và các thành viên trong gia đình dẫn đến vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù anh chị vẫn ở cùng nhà nhưng tình cảm vợ chồng luôn tẻ nhạt, không quan tâm chia sẻ với nhau, không thống nhất về cách quản lý kinh tế trong gia đình mà mạnh ai người đó chi tiêu. Anh Đ cho rằng vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, chỉ có bất hòa giữa mẹ chồng nàng dâu và trước đó anh có chơi

game, từ đó kinh tế của ai người đó quản lý. Chị T xin ly hôn anh xin đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp khắc phục các tồn tại trong cuộc sống để gìn giữ hạnh phúc của vợ chồng. Xét thấy mẫu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho ly hôn giữa chị Trần Phương T và anh Nguyễn Thành Đ là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Thảo và anh Đ thống nhất vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Trần Linh Đ (con gái), sinh ngày 13/01/2020 và Nguyễn Phúc M (con trai), sinh ngày 11/10/2023. Nay giải quyết cho anh chị ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh và văn bản thoả thuận về nguyện vọng của các bên về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung thấy rằng. Hiện chị T và anh Đ đều đang trong độ tuổi lao động, có công ăn việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, tạo môi trường ổn định trong cuộc sống của các cháu cần chấp nhận sự thoả thuận nuôi con của anh chị: Giao cháu Nguyễn Trần Linh Đ cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Phúc M cho anh Đ nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành tự lập được hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình.

Về con nuôi: Chị T và anh Đ xác nhận vợ chồng không có con nuôi, không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về con riêng: Chị T xác nhận không có con riêng, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét; anh Đ xác nhận có một con riêng là Nguyễn Thành Tr, sinh ngày 15/10/2014 nhưng không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, riêng và công nợ chung: Chị Trần Phương T và anh Nguyễn Thành Đ xác nhận không có, không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Phương T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho ly hôn giữa chị Trần Phương T và anh Nguyễn Thành Đ.

2/ Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Trần Linh Đ (con gái), sinh ngày 13/01/2020 cho chị Trần Phương T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Trần Linh Đ trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Giao cháu Nguyễn Phúc M (con trai), sinh ngày 11/10/2023 cho anh Nguyễn Thành Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Phúc M trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Phương T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002134 ngày 18/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị Trần Phương T đã nộp đủ tiền án phí.

4/ Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trần Phương T và anh Nguyễn Thành Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND phường Đ, quận Bắc T, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Duy

